TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-ST
Ngày: 11/4/2023
"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đạt.

2. Bà Lê Thị Bé Tám.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:*** Thuộc trường hợp không tham gia.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2023/TLST-DS, ngày 02/02/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1983. Địa chỉ: khu phố Cư Xá, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn*:

- Bà **Trương Thị T,** sinh năm 1972.

- Bà **Trần Kim P**, sinh năm: 1993.

Cùng địa chỉ: Tổ 4, ấp Hòn Heo, xã D, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

(Ông H, bà T, bà P có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 18/7/2022, mẹ con bà Trương Thị T và bà Trần Kim P có viết giấy vay của tôi số tiền là 75.000.000 đồng, cam kết trong thời hạn 03 tháng sẽ trả hết nợ. Khi đến hạn, 02 bà không trả nên tôi làm đơn tố cáo gửi Công an xã D, tại đây 02 bà ký và lăn tay thừa nhận có nợ tôi số tiền nêu trên và hứa sẽ trả mỗi tháng 10.000.000

đồng cho đến khi hết nợ nhưng đến nay vẫn không trả. Sau đó tôi có tính lãi thêm số tiền là 3.360.000 đồng lên thành 78.360.000 đồng và khởi kiện yêu cầu trả số tiền này.

Nay tại phiện tòa, tôi chỉ yêu cầu bà T, bà P phải trả lại số tiền gốc là 75.000.000 đồng, xin rút lại yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Trương Thị T và bà Trần Kim P trình bày:

Tổng cộng mẹ con bà T và bà P chỉ vay của ông H số tiền là 65.000.000 đồng, đã góp được 21.800.000 đồng, còn nợ lại 43.200.000 đồng, bao gồm:

Vay 04 dây, mỗi dây là 10.000.000 đồng, cộng là 40.000.000 đồng, đối với dây này cứ mỗi 10.000.000 đồng thì góp 01 ngày là 400.000 đồng, tổng cộng góp được 38 ngày với số tiền 15.200.000 đồng, và ông H thu tiền phí tổng 04 dây là 1.600.000 đồng. Vay 01 dây 20.000.000 đồng, góp mỗi ngày là 800.000 đồng, góp được 07 ngày là 5.600.000 đồng, thu tiền phí là 800.000 đồng. Vay 01 dây 5.000.000 đồng, góp mỗi ngày 200.000 đồng, góp được 05 ngày là 1.000.000 đồng, thu tiền phí là 200.000 đồng. Tất cả các dây trên đều góp 31 ngày thì hết cả gốc và lãi.

Nay bà T, bà P chỉ thừa nhận còn nợ lại số tiền là 43.200.000 đồng, xin trả mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, xin ông H bỏ lãi suất.

Tại phiên tòa ông H không thống nhất với lời trình bày của mẹ con bà T và bà P. Yêu cầu phải trả một lần số tiền 75.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Trương Thị T, bà Trần Kim P có nơi cư trú tại tổ 4, ấp Hòn Heo, xã D, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà T, bà P chỉ thừa nhận có vay của ông H số tiền 65.000.000 đồng nhưng không có gì chứng minh, ông H không thừa nhận. Ông H có đưa ra giấy cam kết vay tiền thể hiện bà T, bà P ký xác nhận có vay ông H số tiền 75.000.000 đồng, mặc khác trong biên bản cam kết trả nợ tại Công an xã D thì bà T, bà P cũng thừa nhận có nợ ông H số tiền trên và cam kết trả mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bà P, bà T cho rằng có vay của ông H làm nhiều khoản, đóng gốc và lãi mỗi ngày, đóng trong hạn 31 ngày thì hết cả gốc và lãi. Bà T, bà P đã đóng được 21.800.000 đồng, còn nợ lại 43.200.000 đồng, chứng cứ bà T, bà P nêu ra là những con số được ghi trên giấy không có chữ ký xác nhận của các bên, trong khi đó ông H không thừa nhận, ông H cho rằng bà T, bà P đến nay vẫn chưa trả được khoản nào.

Trong đơn khởi kiện ông H yêu cầu bà T, bà P phải trả cho ông H số tiền gốc là 75.000.000 đồng, số tiền lãi là 3.360.000 đồng. Tại phiên tòa ông H chỉ yêu cầu trả

số tiền 75.000.000 đồng, xin rút lại yêu cầu tính lãi. Xét thấy yêu cầu này là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà T, bà P bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí trên số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 145, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Trương Thị T, bà Trần Kim P phải trả cho Ông Nguyễn Văn H số tiền 75.000.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Trương Thị T, bà Trần Kim P phải chịu số tiền án phí là 3.750.000 đồng.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền án phí tạm nộp là 1.959.000 theo biên lai số 0009291 ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị T, bà Trần Kim P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tænh Kieân Giang;
- VKSND tænh Kieân Giang;
- VKSND huyeän Kieân Löông;
- Chi cục THADS huyện Kieân Löông;
- Nhöõng ngöôøi TGTT;
- Löu taäp aùn, hoà sô;

TM. HOÄI ÑOÀNG XEÙT XÖÛ SÔ THAÅM
THAÅM PHAÙN – CHUÛ TOAÏ PHIEÂN TOØA

Nguyễn Văn Pho